| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN BÌNH GIANG**<br>**TỈNH HẢI DƯƠNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 28/5/2020
*"Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"*

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:***
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Quyên**.
**Các Hội thẩm nhân dân:** Ông **Nhữ Văn Vinh** và bà **Vũ Thị Lan.**
***- Thư ký phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Thị May** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Giang.
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà*:** Bà **Hoàng Thị Phương Dung** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020, tại Trụ sở Toà án, Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2020 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị **Đinh Thị H** - sinh năm 1993.
HKTT: Khu T, thị trấn K, huyện B, tỉnh Hải Dương.
Nơi cư trú: Thôn L, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương.

- ***Bị đơn:*** Anh **Phạm Văn A** - sinh năm 1993.
HKTT: Khu T, thị trấn K, huyện B, tỉnh Hải Dương.
Nơi cư trú: ngõ Đ, khu T, thị trấn K, huyện B, tỉnh Hải Dương.

(Chị H có mặt, anh A vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn- chị Đinh Thị H trình bày:***

Chị và anh Phạm Văn A được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 26/9/2013 tại UBND xã T (nay là thị trấn K), huyện B, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sống chung cùng gia đình chồng tại khu T, thị trấn K, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Vợ chồng chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do: vợ chồng không hợp nhau về tính cách, bất đồng quan điểm trong cuộc sống; anh A không tu chí để xây dựng gia

đình mà ham chơi bài bạc, cá độ bóng đá. Chị và gia đình nhiều lần phân tích, khuyên nhủ nhưng anh A không giữ vững lập trường mà càng lún sâu vào chơi bời dẫn đến nợ nần. Chị đã kiên trì chịu đựng hy vọng anh A thay đổi nhưng không có kết quả nên chị không còn niềm tin cả về tình cảm cũng như cách sống của anh A. Tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, không có sự quan tâm, chia sẻ với nhau. Chị bỏ về quê đẻ, đi làm tự do và ly thân với anh A từ tháng 5/2019.

Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, chị đề nghị HĐXX giải quyết cho chị được ly hôn anh A.

Chị và anh A có một con chung là Phạm Quỳnh A, sinh ngày 30/8/2014, hiện đang ở cùng anh A và ông, bà nội. Trường hợp vợ chồng ly hôn, chị nhất trí để anh A nuôi con chung vì chị biết anh A xin nuôi con và tự nguyện không yêu cầu chị cấp dưỡng. Hơn nữa hiện nay bản thân chị có khó khăn: chị không có nơi ở ổn định, việc làm, thu nhập bấp bênh. Khi vợ chồng còn chung sống thì cháu Quỳnh A đã nhận được sự quan tâm, chăm sóc chu đáo của ông, bà nội và bố, cháu phát triển toàn diện nên chị không muốn làm ảnh hưởng đến cuộc sống ổn định của con.

Về tài sản chung, nợ, công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn- anh Phạm Văn A trình bày:*** Về điều kiện, thời gian kết hôn như chị H trình bày là đúng.

Anh xác định nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do bất đồng quan điểm; không có tiếng nói chung; cuộc sống chung không hòa hợp; không có sự quan tâm chia sẻ cùng nhau; vợ chồng thường xảy ra va chạm, to tiếng với nhau làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình, tình cảm vợ chồng rạn nứt. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 5/2019 đến nay, chị H về quê đẻ ở, không quay lại chung sống cùng anh. Anh xác định giữa anh và chị H không còn tình cảm với nhau, hôn nhân không thể níu kéo được. Tuy nhiên, do gia đình anh theo đạo Thiên chúa, việc ly hôn là vi phạm lời thề trước Chúa nên anh không đến Tòa án làm việc và không ký vào các văn bản để giải quyết ly hôn. Anh đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo nguyện vọng của chị H và giải quyết vụ án vắng mặt anh.

Anh và chị H có một con chung là Phạm Quỳnh A , sinh ngày 30/8/2014, hiện đang ở cùng anh. Trường hợp ly hôn, anh xin được nuôi con và tự nguyện không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thu thập chứng cứ, của HĐXX, thư ký tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; chị H chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; anh A vắng mặt tại phiên họp, phiên hòa giải và tại phiên tòa là chưa chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX:

Áp dụng: khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị H.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đinh Thị H được ly hôn anh Phạm Văn A.

- Về quan hệ con chung: Giao cho anh Phạm Văn A trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Phạm Quỳnh A, sinh ngày 30/8/2014 (hiện đang ở cùng anh A) đến khi con chung trưởng thành, 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh A không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H vẫn có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về quan hệ tài sản: Chị H, anh A không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Phạm Văn A là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, tuy nhiên anh A đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2]Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị H và anh Phạm Văn A được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T (nay là thị trấn K), huyện B, tỉnh Hải Dương ngày 26/9/2013, là hôn nhân hợp pháp.

Chị H, anh A đều thừa nhận: Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm; không có tiếng nói chung; anh A không tu chí xây dựng hạnh phúc vợ chồng mà chơi bời làm ảnh hưởng nặng nề đến kinh tế gia đình. Vợ chồng không còn tình cảm, lòng tin với nhau và đã sống ly thân từ tháng 5/2019. Chị H xin ly hôn, anh A không bày tỏ quan điểm của mình vì lý do anh theo Đạo Thiên chúa, việc ly hôn là điều cấm kỵ chứ bản thân anh cũng nhận thức được mâu thuẫn của vợ chồng đã căng thẳng, không còn khả năng hàn gắn.

Xét mâu thuẫn giữa chị H, anh A đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị H ly hôn anh A, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị H, anh A có một con chung là Phạm Quỳnh A, sinh ngày 30/8/2014, hiện đang ở cùng anh A. Anh A có nguyện vọng nuôi con và tự nguyện không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Chị H nhất trí. Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ thể hiện từ khi chị H, anh A ly thân, cháu Quỳnh A ở với bố và ông, bà nội; cháu được chăm sóc chu đáo, đảm bảo phát triển toàn diện. Vì vậy cần chấp nhận sự thỏa thuận của hai bên, giao cháu Quỳnh A cho anh A nuôi dưỡng, anh A tự nguyện không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung, nợ, công sức: Chị H, anh A không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị H khởi kiện vụ án ly hôn sơ thẩm nên chị phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị H.

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đinh Thị H được ly hôn anh Phạm Văn A.

2 - Về quan hệ con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị H, anh A: Giao cho anh Phạm Văn A trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Phạm Quỳnh A, sinh ngày 30/8/2014 (hiện đang ở cùng anh A) đến khi con chung 18 tuổi, trưởng thành. Anh A tự nguyện không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3- Về án phí: Chị Đinh Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0005509 ngày 10/02/2020.

4- Về quyền kháng cáo: Chị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Anh A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Giang;
- Chi cục THADS huyện Bình Giang;
- UBND thị trấn K, huyện B,
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

***Nguyễn Thị Quyên***